

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 18-8-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; thường trú: Xóm 5, xã L, huyện A, tỉnh N; địa chỉ liên lạc: Tổ 2, ấp 5, xã L1, huyện L2, tỉnh Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đậu Trọng N, sinh năm 1988; thường trú: Xóm 5, xã L, huyện A, tỉnh N; tạm trú: Số 7/8, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đậu Trọng N2 và bà Nguyễn Thị S; thường trú: Xóm 5, xã L, huyện A, tỉnh N. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24- 4-2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đậu Trọng N tìm hiểu nhau khoảng 02 năm rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh N năm 2017 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 06/7/2017.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, lúc đầu do vấn đề chi tiêu gia đình, tính anh N khó tính, gia trưởng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2017 sau khi chị T sinh con thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trầm trọng hơn, một số lần vợ chồng cãi vã anh N có đánh chị T. Lần gần nhất là ngày 21/3/2020, anh N đi làm về vợ chồng xảy ra cãi vã, anh N lấy đĩa trứng dí vào mặt chị T, sau đó chiếc đĩa rơi xuống chân và làm chân chị T bị đứt gân phải đi bệnh viện. Từ thời điểm đó anh N và chị T ly thân cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh N còn nhắn tin có lời lẽ xúc phạm chị T.

Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh N, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh N có một con chung tên Đậu Thị Ngọc H, sinh ngày 21/10/2017. Sau khi ly thân, chị T phải đi bệnh viện và về nhà người thân ở tỉnh Đồng Nai để hồi phục sức khỏe nên chị giao con cho anh N chăm sóc. Từ tháng 6/2020 anh N đã đưa con chung về quê nhờ ông bà nội là ông Đậu Trọng N2 và bà Nguyễn Thị S chăm sóc cho đến nay. Nay sức khỏe của chị đã hồi phục, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Theo bản tự khai đề ngày 13-5-2020, 25-6-2020, lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đậu Trọng N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất phần trình bày của chị T về thời gian tìm hiểu nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhặt nhưng vợ chồng đã khắc phục dần. Ngày 21/3/2020 trong lúc chị T thất nghiệp vì dịch bệnh, anh đi làm về vợ chồng có xảy ra cãi vã do chị T nấu ăn có chút chậm trễ, chị T tự làm rơi đồ trúng chân dẫn đến bị thương, anh N có quan tâm tuy nhiên chị T lại giận dỗi bỏ lại con và qua nhà người thân ở cho đến nay. Anh đã nhiều lần liên lạc chị T và nhờ hai bên gia đình khuyên can nhưng chị T vẫn không đồng ý quay về. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh N không đồng ý vì anh không có hành vi đánh đập chị T, vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con.

- Về con chung: Thống nhất anh và chị T có 01 con chung là cháu Đậu Thị Ngọc H, sinh ngày 21/10/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì

anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung do từ khi bỏ đi chị T không thăm con, không thể hiện sự quan tâm đối với con chung. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh N đồng ý ly hôn với chị T, thống nhất trường hợp Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng thì anh N sẵn sàng cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi để bảo đảm con có cuộc sống tốt.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15-7-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đậu Trọng N2 và bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Đậu Trọng N, chị T là con dâu. Sau khi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn cho đến nay anh N và chị T sinh sống tại thị xã D (nay là thành phố D), chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà. Do ở xa nên ông bà không trực tiếp chứng kiến mà chỉ nghe hai vợ chồng tâm sự về việc sống chung một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị T đã nhiều lần đề nghị làm đơn xin ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, có lời lẽ xúc phạm nhau nên không sống chung với nhau được. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì ông bà không có ý kiến tùy các con quyết định.

Chị T và anh N có 01 con chung như trình bày trên, từ đầu tháng 6/2020 cho đến nay cháu H được anh N đưa về quê và ông bà trực tiếp chăm sóc. Quá trình cháu H sống chung với ông bà thì anh N thường gửi tiền về để cấp dưỡng cho con, chị T thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm con. Ông bà đề nghị Tòa án giao con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

*- Kết quả xác minh tại dãy trọ địa chỉ 7/8, khu phố B, phường A thể hiện:* Sau khi kết hôn, anh N và chị T có thuê trọ ở chung tại dãy trọ 7/8, khu phố B, phường A. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn không rõ. Thời gian sống chung hai vợ chồng đều chăm sóc con, cháu Hân thường đi theo mẹ tới nhà trẻ nơi mẹ công tác còn anh N cũng rất yêu thương chăm sóc con chung.

*Kết quả xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ phường A, thành phố D, tỉnh B:* Hội không nhận được đơn yêu cầu hòa giải quan hệ hôn nhân và cũng không nhận được phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa anh Đậu Trọng N và chị Nguyễn Thị T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đậu Trọng N2 và bà Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đậu Trọng N2 và bà Nguyễn Thị S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, tỉnh N và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 06/7/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, có lời lẽ không tôn trọng nhau. Ngoài ra, một số lần vợ chồng cãi nhau anh N do nóng tính nên có đánh chị. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình tố tụng, anh N khẳng định không đánh chị T nhưng tin nhắn anh N gửi chị T có nội dung: “Tau đánh đập mi...” và có lời lẽ xúc phạm chị T. Tại phiên tòa anh N thừa nhận không thường xuyên đánh đập chị T, tuy nhiên khi vợ chồng cãi vã do nóng nảy nên anh có tát chị T. Bên cạnh đó lời khai của chị T về việc vợ chồng thường xảy ra cãi vã phù hợp với lời khai của bố mẹ ruột anh N là ông N2 và bà S, kết quả xác minh tại đây trợ nơi anh chị sống chung. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Hai anh chị thường xảy ra cãi vã, có lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng nhau, đồng thời cũng đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Mặt khác, tại phiên tòa anh N thống nhất ly hôn với chị T. Như vậy, có căn cứ công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh N theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất anh N và chị T có một con chung là Đậu Thị Ngọc H, sinh ngày 21/10/2017. Hiện nay con chung đang do ông Đậu Trọng N2 và bà Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, quá trình chung sống chị T và anh N đều cùng nhau chăm sóc, thương yêu con. Anh N cho rằng quá trình vợ chồng ly thân chị T không thăm con, không quan tâm đến con, không có khả năng nuôi con, tuy nhiên chị T và anh N đều thống nhất thời điểm vợ chồng bắt đầu ly thân chị T bị thương ở chân và phải điều trị, thời

điểm dịch bệnh chị T không có thu nhập ổn định. Mặc dù không về quê thăm con nhưng chị T vẫn tìm cách liên lạc để gặp con và cải thiện điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở để có cuộc sống ổn định và có cơ hội trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét về thu nhập, mặc dù thu nhập hàng tháng của anh N cao hơn chị T, tuy nhiên hiện chị T cũng có công việc ổn định, từng là giáo viên mầm non, có đủ khả năng nuôi con. Đồng thời, cháu Hân hiện dưới 36 tháng tuổi thuộc trường hợp giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu là con gái nên giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận do muốn đi làm kiếm tiền nuôi con nên giao con chung về quê cho ông bà từ tháng 6/2020 cho đến nay, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó để bảo đảm quyền lợi của con chung, để con chung có cơ hội được sống trong tình thương, sự chăm sóc trực tiếp của cha mẹ, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ. Trường hợp sau khi ly hôn, khi có yêu cầu từ một hoặc cả hai bên bố và mẹ, Tòa án có thể xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng. Xét đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung trong trường hợp không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T cũng phù hợp với chi phí trung bình tại địa phương và được anh N chấp nhận. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T về việc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn, anh Đậu Trọng N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đậu Trọng N (Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 06/7/2017 do UBND xã L, huyện A, tỉnh N cấp).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về vấn đề con chung:

- Buộc anh Đậu Trọng N, ông Đậu Trọng N2, bà Nguyễn Thị S giao cháu Đậu Thị Ngọc H, sinh ngày 21/10/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đậu Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Đậu Thị Ngọc H, sinh ngày 21/10/2017 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Đậu Trọng N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị T nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đậu Trọng N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh N phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040343 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Đậu Trọng N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã L, huyện A, tỉnh N;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngân**